CÁC MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI

TRẦN THỊ VINH*

Mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản là một trong những vấn đề có tác động quyết định đến tiến trình phát triển của chủ nghĩa tư bản trong lịch sử và hiện tại. Lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản từ thế kỷ XVI đến nay cho thấy, trên thực tế đã tồn tại những mô hình phát triển khác nhau. Mỗi mô hình có những ưu điểm và hạn chế riêng, nhưng đều là nền tảng và động lực phát triển trong nhiều năm của những nền kinh tế hàng đầu thế giới. Sự đa dạng của các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản phụ thuộc vào bối cảnh lịch sử, điều kiện phát triển kinh tế, chính trị - xã hội, văn hóa... của các nước tư bản chủ nghĩa ở những khu vực khác nhau. Các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản có quá trình phát triển, vận động và biến đổi không ngừng nhằm thích nghi với những chuyển biến về kinh tế, chính trị - xã hội của mỗi quốc gia và hệ thống tư bản chủ nghĩa nói chung. Bài viết tập trung phân tích những vấn đề cơ bản sau đây: (i) Quan điểm tiếp cận nghiên cứu các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản; (ii) Các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản trong lịch sử đến hiện tại; (iii) Một số nhận xét về các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản.

1. Quan điểm tiếp cận nghiên cứu các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản

Cách tiếp cận nghiên cứu các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản dựa trên các quan điểm chủ yếu sau đây:

Một là, tiếp cận nghiên cứu các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của *nền kinh tế thị trường*. Lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản cho thấy, các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản rất đa dạng nhưng có điểm chung là được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường. Cơ chế kinh tế của nền kinh tế thị trường được Adam Smith, đại diện tiêu biểu của lý thuyết kinh tế học tư sản ví như "bàn tay vô hình" điều tiết nền kinh tế. Theo lý thuyết của ông, trong nền kinh tế thị trường có một "bàn tay vô hình" dắt dẫn con người (1). Khi nói đến kinh tế thị trường là nói đến nguyên tắc "tự do kinh tế", bao gồm cả quyền tự do của người sản xuất kinh doanh, quyền lựa chọn của người tiêu dùng, tự do của người lao động trong lựa chọn công việc và người thuê cũng có quyền lựa chọn và tuyển dụng những người phù hợp. Mức độ tự do sản xuất, kinh doanh và

*GS.TS. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

trao đổi hàng hóa là thước đo quan trọng để đánh giá mức độ tự do của thị trường trong một nền kinh tế. Một nền kinh tế thị trường đầy đủ có nghĩa sẽ đạt đến một trạng thái tự do kinh tế cao và do vậy, nó đòi hỏi mức độ can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế là tối thiểu trong các vấn đề phân bổ nguồn lực và sự can thiệp vào hoạt động kinh doanh của khu vực doanh nghiệp.

Trong bộ sách đồ sộ *Tư bản (Das Kapital)*, Mác đã trình bày một cách khoa học và toàn diện về các phạm trù của nền kinh tế thị trường. Theo Mác, kinh tế thị trường là một giai đoạn phát triển tất yếu của lịch sử mà các nền kinh tế phải trải qua trên con đường phát triển. Kinh tế thị trường là một hình thức, phương pháp vận hành nền kinh tế mà ở đó các quy luật của thị trường chi phối việc phân bổ tài nguyên, quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm. Theo quan điểm của nhà kinh tế học đoạt giải Nobel người Mỹ, Paul Samuelson, "kinh tế thị trường là nền kinh tế trong đó các cá nhân và hãng tư nhân đưa ra các quyết định chủ yếu về sản xuất và tiêu dùng" (2). Ngày nay, nền kinh tế thị trường đã trở nên phổ biến trên toàn thế giới, nó trở thành giá trị chung của nhân loại, là phương tiện hiệu quả trong khai thác và phân bổ nguồn lực. Giá trị mà nó mang lại cho đời sống vật chất cũng như tinh thần của con người được thực tiễn khẳng định.

Bên cạnh những điểm tích cực, kinh tế thị trường còn gây ra một số tác động tiêu cực đối với phúc lợi xã hội của một bộ phận dân cư hoặc một nhóm ngành nghề nào đó, mà ở đó vai trò của nhà nước và xã hội cần được phát huy. Mặc dù đã được thừa nhận rộng rãi, nhưng mức độ phát triển cơ chế thị trường tại các nền kinh tế, bao gồm cả các nền kinh tế phát triển và đang phát triển, là không tương đồng, thậm chí có sự khác biệt. Nếu như trước đây, sự phân biệt giữa nền kinh tế thị trường và nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung là khá rõ ràng, dựa chủ yếu vào chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất - một bên là tư hữu và bên kia là công hữu, thì ngày nay sự phân biệt ngoài sự phát triển của các thị trường, vai trò yếu tố xã hội, thì chủ yếu là ở mức độ nhà nước can thiệp vào các quá trình vận hành của thị trường.

Hai là, nghiên cứu các mô hình tiêu biểu của chủ nghĩa tư bản phải đặt trong những *điều kiện, bối cảnh lịch sử kinh tế, chính trị - xã hội, đặc điểm lịch sử văn hóa* của từng quốc gia. Thực tế cho thấy, khi nghiên cứu bất kỳ một mô hình phát triển kinh tế, chính trị - xã hội nào cũng cần xem xét kỹ lưỡng các điều kiện xuất hiện, các nhân tố tác động đến sự ra đời cũng như quá trình phát triển của mô hình đó. Chẳng hạn, khi xem xét mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường tự do (mô hình chủ nghĩa tư bản Anh - Mỹ) cần làm rõ bối cảnh, những nhân tố tác động đến sự ra đời của nó. Sự xuất hiện mô hình kinh tế thị trường tự do gắn liền với quá trình ra đời, phát triển và thắng thế của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ. Mô hình này xuất hiện ở Anh, Hà Lan sau thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản. Sau cuộc Đại cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, mô hình kinh tế thị trường tự do lan rộng ra toàn châu Âu.

Sự tồn tại và phát triển của mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường tự do chịu tác động và ảnh hưởng của tình hình kinh tế, chính trị - xã hội của các nước tư bản chủ nghĩa. Mô hình này phát triển mạnh cho đến những thập niên đầu thế kỷ XX, khi chủ nghĩa tư bản lâm vào cuộc Đại suy thoái lớn nhất trong lịch sử vào những năm 1929-1933. Sự xuất hiện của học thuyết

Keynes đã chứng minh rằng muốn vượt qua khủng hoảng phải đề cao vai trò của Nhà nước trong việc điều tiết nền kinh tế. Tuy nhiên, đến thập niên 1980, Tổng thống Mỹ R. Reagan và Thủ tướng Anh M. Thatcher đặc biệt chú trọng và ủng hộ mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường tự do. Vào nửa sau thập niên 1980, Tổng thống R. Reagan quyết định từ bỏ Chính sách mới của F. Roosevelt, với vai trò can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế vĩ mô để quay trở lại với mô hình kinh tế thị trường tự do phi điều tiết. Còn ở Anh, Thủ tướng M. Thatcher đã từ bỏ chính sách Nhà nước phúc lợi chung được William Beveridge (1879- 1963), nhà kinh tế học và cải cách xã hội Anh, xây dựng sau Chiến tranh thế giới thứ hai (3). Chính phủ cả hai nước đã đẩy lùi sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế, quay trở lại với lý thuyết "nhà nước chỉ nên là tối thiểu, để cho thị trường tự do được hoạt động tối đa theo sự dẫn dắt của bàn tay vô hình" theo quan điểm của Adam Smith.

Ba là, trong quá trình nghiên cứu, cần xem xét các mô hình chủ nghĩa tư bản trong *sự vận động, thể hiện tính liên tục và sự thay đổi để thích ứng* của chúng trải qua quá trình phát triển. Sự điều chỉnh, thích ứng là đặc điểm nổi bật của các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản trải qua các thời kỳ lịch sử, nhằm thích nghi với những chuyển biến về kinh tế, chính trị - xã hội của các nước tư bản chủ nghĩa và bối cảnh quốc tế nói chung. Điều này đúng như tiên đoán của Mác từ năm 1848: "Giai cấp tư sản không thể tồn tại, nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất, do đó cách mạng hóa những quan hệ sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội... Sự đảo lộn liên tiếp của sản xuất, sự rung chuyển không ngừng trong tất cả những quan hệ xã hội, sự luôn luôn hoài nghi và vận động làm cho thời đại tư sản khác với tất cả các thời đại trước" (4). Sự điều chỉnh mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản diễn ra trên nhiều lĩnh vực, nhất là về quan hệ sản xuất. Trong đó, sự điều chỉnh tập trung vào các lĩnh vực như quan hệ sở hữu, tổ chức quản lý sản xuất, quan hệ phân phối… nhằm khai thác tối đa nguồn lực con người, tiềm lực khoa học, công nghệ phục vụ cho mục tiêu làm giàu của giai cấp tư sản. Dù rằng việc điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản phần nào góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người công nhân làm thuê nhưng do tư liệu sản xuất thuộc quyền chiếm hữu của nhà tư bản nên trong các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản, quyền sở hữu, tổ chức quản lý sản xuất và phân phối vẫn do giai cấp tư sản điều hành, chi phối. Điều đó đã dẫn tới tình trạng, "chủ nghĩa tư bản tự động tạo ra tình trạng bất bình đẳng tùy tiện và không bền vững, làm xói mòn những giá trị trọng dụng nhân tài, vốn là nền tảng của các xã hội dân chủ", như nhận xét của nhà kinh tế học Thomas Piketty trong chuyên khảo *Tư bản thế kỷ 21* (5). Đồng thời, chủ nghĩa tư bản vẫn tiếp tục phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng về kinh tế, chính trị, xã hội do chính sự phát triển của mình tạo ra. Đó cũng chính là những giới hạn khó có thể vượt qua của các mô hình phát triển cũng như của chủ nghĩa tư bản nói chung.

2. Các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản: từ lịch sử đến hiện tại

Trong lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản, về cơ bản có bốn loại mô hình phát triển đó là: Chủ nghĩa tư bản thị trường tự do (chủ nghĩa tư bản Anh - Mỹ); chủ nghĩa tư bản thị trường xã hội (chủ nghĩa tư bản Đức - một số

nước Tây Âu), chủ nghĩa tư bản nhà nước phúc lợi xã hội (chủ nghĩa tư bản Bắc Âu), chủ nghĩa tư bản Nhật Bản - Đông Á.

2.1. Mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường tự do (chủ nghĩa tư bản Anh - Mỹ)

Mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường tự do hay còn gọi là "mô hình kinh tế thị trường tự do phi điều tiết" được thực hiện ở Mỹ, Anh và một số nước Tây Âu. Quá trình hình thành, bối cảnh ra đời của mô hình kinh tế thị trường tự do gắn liền với quá trình ra đời, phát triển và thắng thế của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ. Trên thực tế, mô hình kinh tế thị trường tự do đã từng xuất hiện ở Hà Lan, Anh sau thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản. Sau cuộc Đại cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, mô hình này lan rộng ra toàn châu Âu.

Về đặc điểm, mô hình này hạn chế sự can thiệp, điều tiết của nhà nước ở mức thấp, trong khi đề cao sự vận hành tự do của quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh. Điểm nổi bật của mô hình chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, đúng như tên gọi của nó, là việc *đề cao vai trò của chế độ sở hữu tư nhân, tự do cá nhân và cạnh tranh tự do*, đồng thời duy trì một cơ chế thị trường tự do thuần khiết hơn so với các mô hình phát triển khác. Theo đó, các mối quan hệ kinh tế đều được giải quyết thông qua quy luật vận hành của thị trường. Quá trình phát triển kinh tế chủ yếu được đặt dưới sự điều tiết của "bàn tay vô hình", tức cơ chế cạnh tranh tự do theo lý thuyết kinh tế của Adam Smith. Theo đó, "bàn tay vô hình" chính là khả năng của thị trường trong việc điều tiết nền kinh tế mà không cần đến sự can thiệp của Nhà nước. Chính sự tác động của các quy luật kinh tế thị trường sẽ chi phối các quan hệ kinh tế và đó là một "trật tự tự nhiên", được phát triển trên cơ sở tự do kinh tế, tự do cạnh tranh, tự do mậu dịch. Adam Smith đồng tình với quan điểm của Thomas Paine (1737-1809), nhà triết học người Mỹ, khi cho rằng "một chính quyền tốt nhất là chính quyền ít cai trị nhất" (6).

Chức năng chính của nhà nước tư sản là bảo vệ chế độ sở hữu tư nhân và các quyền tự do cá nhân, bảo đảm ổn định vĩ mô, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân và cơ chế thị trường tự do vận hành thuận lợi nhất. Xuất phát từ việc đề cao vai trò của thị trường tự do, trong mô hình này sự tham gia của nhà nước vào quá trình phân bổ hệ thống phúc lợi xã hội, giảm thiểu sự bất bình đẳng xã hội, ngăn chặn và xử lý các thất bại của thị trường, mặc dù vẫn được coi trọng nhưng không nhiều như các mô hình khác. Mặt khác, trong mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường tự do, thị trường lao động có tính linh hoạt cao và các luật lệ về thị trường lao động đều thiên về bảo hộ người chủ tư bản hơn là người lao động làm thuê.

Về ưu điểm, nền kinh tế thị trường tự do được cho là động lực chủ yếu để nước Mỹ vươn lên chiếm vị trí cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới chỉ sau khoảng tám thập niên kể từ sau khi nước Mỹ thành lập năm 1776. Đề cao "sự thần kỳ và sức mạnh toàn năng" của hệ thống thị trường tự do phi điều tiết, nhiều người Mỹ vẫn tin rằng với việc áp dụng triệt để và thực dụng hệ thống này, nước Mỹ đã và sẽ vượt lên trước tất cả các nước khác trên con đường tiến tới một thế giới mới của xã hội thông tin và kiểm soát công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, với tư cách là các ngành công nghệ chính tạo ra sự tăng trưởng.

Về hạn chế, thực tế cho thấy mô hình chủ nghĩa tư bản Anh - Mỹ có những điểm bất cập, trong đó phải kể đến tình trạng

bất bình đẳng ngày càng gia tăng, nợ nước ngoài ngày càng lớn. Chủ nghĩa tư bản tự do tạo ra một nền kinh tế theo kiểu "Winer-take-all" ("Kẻ chiến thắng chiếm đoạt tất cả"), đó chính là nguyên nhân dẫn tới khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn trong xã hội. Từ những năm 80 của thế kỷ XX, thu nhập của các chủ tịch hội đồng quản trị của 500 tập đoàn lớn nhất nước Mỹ đã tăng từ gấp 35 lần lên gấp 157 lần mức lương trung bình của công nhân (7). Theo số liệu của Đại học Arizona, thu nhập trung bình của người giàu ở Mỹ từ 350.000 đôla/năm (1979) tăng lên 1.3 triệu đôla/năm (2007), trong lúc 20% thành phần nghèo nhất trong xã hội chỉ tăng từ 15.500 đôla đến 17.500 đô la hàng năm. Đồng thời, sự phát triển của một xã hội tiêu dùng thái quá cùng với sự tối thiểu hóa vai trò quản lý của nhà nước đã dẫn tới sự thâm hụt triền miên của cán cân thanh toán và tình trạng nợ nước ngoài gia tăng. Trong những năm gần đây, theo báo cáo của Oxfam về tình trạng bất bình đẳng trên thế giới, công bố vào tháng 1-2022, trong hai năm đầu của đại dịch Covid-19, "tài sản của 10 người giàu nhất thế giới đã tăng gấp đôi trong khi thu nhập của 99% nhân loại giảm xuống và thế giới có thêm hơn 160 triệu người rơi vào cảnh nghèo đói" (8).

Các cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là cuộc khủng hoảng tài chính bao trùm các nước tư bản vào cuối năm 2008 với tốc độ cực kỳ nhanh chóng, đã làm tiêu tan quan điểm cho rằng nền kinh tế thị trường tự do tư bản chủ nghĩa là phương thức tốt nhất trong các quan hệ kinh tế. Cuộc khủng hoảng đã làm sụp đổ chủ nghĩa Regean và lý thuyết về nền kinh tế thị trường tự do phi điều tiết. Để cứu vãn sự sụp đổ của thị trường tài chính, Chính phủ các nước Mỹ, Anh đã phải thực hiện những biện pháp can thiệp khẩn cấp, thậm chí Chính phủ Mỹ phải thực hiện kế hoạch khẩn cấp trị giá 700 tỉ USD cứu trợ hàng loạt ngân hàng và các hãng bảo hiểm lớn đang nối đuôi nhau phá sản. Chính vì vậy niềm tin vào tính tối ưu, khả năng tự cân bằng và sự ổn định của mô hình kinh tế thị trường tự do phi điều tiết của chủ nghĩa tư bản không thể là tuyệt đối.

2.2. Mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường xã hội (chủ nghĩa tư bản Đức - Tây Âu)

Mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường xã hội là mô hình phát triển được xây dựng dựa trên cơ sở nền kinh tế thị trường có sự kết hợp chặt chẽ giữa nguyên tắc tự do và nguyên tắc công bằng xã hội, hướng vào mục tiêu khuyến khích, động viên mọi sáng tạo của cá nhân để nhằm mục đích bảo đảm các lợi ích chung của xã hội. Đây là mô hình phát triển được Ludwig Erhard (1897-1977), Bộ trưởng Kinh tế (1949-1963), Thủ tướng Đức (1963-1966), đề xướng năm 1949 (9).

Về quá trình hình thành, mô hình này ra đời trong bối cảnh của nước Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai và là kết quả của sự thỏa hiệp giữa các trường phái lớn theo đuổi những chủ trương khác nhau về khôi phục nền kinh tế nước Đức thời hậu chiến. Mô hình kinh tế thị trường xã hội được thực hiện thành công ở một số nước Tây Âu, *điển hình là Đức* (nơi khởi nguồn của mô hình kinh tế thị trường xã hội) ở một số nước khác với những mức độ khác nhau.

Mô hình kinh tế thị trường xã hội có đặc điểm nổi bật là đề cao vai trò điều tiết của nhà nước để thúc đẩy phát triển không chỉ cho mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả kinh tế mà còn cho cả nhiệm vụ phát triển xã

hội và con người. Về thực chất, mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường xã hội là một dạng biến thể của mô hình kinh tế thị trường tự do, có sự khác biệt nổi bật là trên cơ sở nền kinh tế thị trường có sự gắn kết một cách hợp lý giữa tăng trưởng kinh tế với các vấn đề chính trị - xã hội. Trong mô hình này, khái niệm kinh tế thị trường xã hội có những điểm khác biệt với các quan điểm của kinh tế thị trường tự do về giảm thiểu sự can thiệp của nhà nước, để nền kinh tế tự vận hành thông qua các công cụ của nó. Nếu so sánh với mô hình kinh tế thị trường tự do, mô hình này có đặc điểm nổi bật là đặt các mục tiêu xã hội và phát triển con người (công bằng xã hội, phúc lợi cho người nghèo và cho người lao động, quyền tự do phát triển của mọi người dân,...) là mục tiêu chính quá trình phát triển kinh tế thị trường. Đồng thời, trong mô hình này, Nhà nước dẫn dắt nền kinh tế thị trường phát triển không chỉ nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà bên cạnh đó là mục tiêu phát triển và hiệu quả xã hội.

Với mô hình kinh tế thị trường xã hội, thể chế và cơ quan chính phủ có vai trò đảm bảo ổn định xã hội có tầm quan trọng đặc biệt. Những cơ quan có liên quan tới chính sách xã hội và ổn định kinh tế vĩ mô có vai trò chủ đạo, nhằm cố gắng loại trừ lạm phát và thất nghiệp bằng các biện pháp tiền tệ và tài khóa. Một mặt, mô hình kinh tế thị trường xã hội tìm kiếm sự cân bằng giữa việc tạo ra và duy trì kinh tế thị trường, mặt khác đảm bảo sự công bằng xã hội. Trong mô hình này, sức mạnh của thị trường được bổ sung bởi các hệ thống bảo đảm và điều tiết xã hội nhằm bảo vệ những người lao động. Vai trò của Nhà nước ở đây được hiểu là Nhà nước xã hội bảo vệ và trợ giúp những người thua thiệt trong quá trình thị trường hóa bằng một mạng lưới xã hội, đồng thời ngăn chặn sự hình thành một tầng lớp người nghèo, bị gạt ra ngoài lề xã hội trong cuộc cạnh tranh tự do. Nền kinh tế thị trường xã hội Đức đã trở thành hệ thống của một số nước tư bản Tây Âu và đó là lý do để một số học giả phương Tây viết về "một chủ nghĩa tư bản vùng sông Ranh". Theo đó, nguyên tắc "hiệp thương nhất trí" thông qua đàm phán để tìm ra sự thỏa thuận giữa các tập đoàn, các nhóm lợi ích xã hội được đề cao.

Mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường xã hội có một số ưu điểm. Trước hết, đây là mô hình được xây dựng dựa trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa nguyên tắc của nền kinh tế thị trường với mục tiêu công bằng xã hội. Các quyết định kinh tế và chính trị của nhà nước được hoạch định trên cơ sở nền kinh tế thị trường, đồng thời có chú ý đến những nhu cầu, nguyện vọng cá nhân, hướng tới mục tiêu bảo đảm các lợi ích chung của xã hội. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạo ra các hành lang pháp lý cần thiết giúp các doanh nghiệp hoạt động, đồng thời góp phần xây dựng một hệ thống kết cấu hạ tầng vật chất, kỹ thuật đồng bộ và khuyến khích các doanh nghiệp hiện đại hoá năng lực sản xuất. Sự vận hành mô hình này phần nào giảm thiểu lạm phát, thất nghiệp và nghèo đói, góp phần nhất định trong việc khắc phục các khủng hoảng chu kỳ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và điều chỉnh mất sự cân đối cơ cấu kinh tế.

Với những ưu điểm trên, mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường - xã hội là một biến thể của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, tuy nhiên nó phản ánh một xu thế tất yếu của sự phát triển. Thực tế cho thấy, với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, trong những điều kiện cụ thể, tự kinh tế thị

trường không thể giải quyết có hiệu quả tất cả các vấn đề phát triển, nhất là các mục tiêu phát triển xã hội và con người. Để đạt được mục tiêu phát triển xã hội, trong cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường cần có những điều chỉnh để thúc đẩy phát triển đi đúng quỹ đạo nhằm giải quyết mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội và con người.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường xã hội còn tồn tại một số hạn chế. Thực tế cho thấy, trong mô hình này, nhà nước và các nhóm xã hội vẫn tỏ ra không có năng lực để tiến hành một cuộc cải cách thực sự triệt để, đặc biệt là trong các vấn đề về phúc lợi xã hội. Từ nhiều năm nay, ở Đức và một số nước châu Âu khác, nhiều giải pháp về cắt giảm phúc lợi xã hội nhằm giảm bớt gánh nặng cho người đóng thuế được đưa ra bàn thảo nhưng chưa được thực thi. Một vấn đề khác cũng mang tính phổ biến cho các nước đi theo mô hình này là sự đảm bảo xã hội cho việc làm và người lao động đòi hỏi một nguồn kinh phí không nhỏ. Điều đó đã khiến cho các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn về tài chính khi tìm kiếm nguồn nhân lực, hoặc trong chế độ đãi ngộ đối với công nhân... Đồng thời sức ép cao về vấn đề thuế đã làm suy giảm động cơ làm việc, sản xuất, dẫn đến tình trạng trốn thuế gia tăng, dẫn đến việc một số người có thu nhập cao phải di chuyển đến những nước có mức thuế thấp hơn. Trong những thập niên gần đây, mô hình kinh tế thị trường xã hội có những điều chỉnh mạnh mẽ để khắc phục xu hướng trì trệ, thiếu động lực phát triển. Thực tế cho thấy, những hạn chế của mô hình này bên cạnh những giá trị và tính tích cực của nó.

2.3. Mô hình chủ nghĩa tư bản nhà nước phúc lợi xã hội (chủ nghĩa tư bản Bắc Âu, điển hình là Thụy Điển)

Mô hình chủ nghĩa tư bản nhà nước phúc lợi xã hội là mô hình được xây dựng dựa trên cơ sở nền kinh tế thị trường có sự kết hợp giữa nguyên tắc tự do và nguyên tắc công bằng xã hội, hướng vào mục tiêu xây dựng nhà nước phúc lợi xã hội để bảo đảm các lợi ích chung của người dân. Mô hình này được thực hiện ở một số nước Bắc Âu, tiêu biểu là Thụy Điển

Mô hình nhà nước phúc lợi xã hội Thụy Điển có nguồn gốc từ những năm 1930, được hình thành trên cơ sở ý tưởng xây dựng Thụy Điển thành "ngôi nhà chung của mọi người" ("Flolkhemmet" - "The People' Home") của Đảng Xã hội - Dân chủ mà đại diện là cựu Thủ tướng Thụy Điển Per Albin Hansson (1885-1946) (10). Mô hình này có sự kết hợp tương đối hài hòa giữa việc mở rộng phúc lợi xã hội với sự phát triển kinh tế thị trường tự do thông qua hệ thống pháp chế của Nghị viện. Trong những năm 1932-1970, "đất nước này đã trở thành một xã hội hiện đại kết hợp hài hoà tiến bộ, công nghiệp với mức sống thuộc loại cao bậc nhất trên hành tinh. Đành rằng các thành tựu như vậy đương nhiên phải phản ánh sức mạnh của nền công nghiệp Thụy Điển và của các nhà doanh nghiệp của nó, song chắc rằng khó lòng có được sự phồn vinh ấy nếu (nhà nước) không mạnh dạn thực thi các chính sách kinh tế - xã hội" (11).

Việc triển khai mô hình nhà nước phúc lợi xã hội đã đưa Thụy Điển từ một trong những nước còn nhiều khó khăn ở Bắc Âu trở thành một trong những quốc gia giàu có ở châu Âu với thể chế nhà nước phúc lợi xã hội tiên tiến, mang tính phổ quát cho tất cả

mọi người, các dịch vụ công rộng rãi, thuế cao, tỷ lệ nghèo thấp, cơ cấu thị trường lao động mang tính nghiệp đoàn (12).

Đặc điểm của mô hình này là Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc thực hiện phát triển kinh tế và gắn kết chặt chẽ với phát triển xã hội, đảm bảo cho mọi người dân đều được thụ hưởng các lợi ích và dịch vụ an sinh xã hội cơ bản với mức phí hợp lý hoặc miễn phí. Nhà nước phúc lợi xã hội cho phép thị trường tự do phát huy sức mạnh để mở rộng sản xuất. Mô hình Thụy Điển coi trọng vai trò của kinh tế thị trường để đạt được sự phát triển kinh tế, thu được nhiều lợi nhuận, khắc phục mặt trái của kinh tế thị trường để thực hiện công bằng xã hội. Người dân Thụy Điển được Nhà nước cung cấp các dịch vụ phúc lợi trọn đời, từ lúc sinh ra cho đến khi qua đời.

Việc thực hiện mô hình nhà nước phúc lợi xã hội cho thấy những ưu điểm của mô hình này, đặc biệt trong việc tạo ra bước đột phá của Thụy Điển từ một nước có nền kinh tế nông nghiệp trở thành một trong những nước công nghiệp và phúc lợi xã hội phát triển cao của thế giới. Trên nền tảng những thành tựu trong sản xuất nông nghiệp, phát triển giáo dục với nguồn nhân lực chất lượng cao đã tạo ra sự thành công của quá trình công nghiệp hóa. Là nước có nền công nghiệp phát triển, năng lực cạnh tranh được duy trì ở mức cao nhưng Thụy Điển vẫn xây dựng được mạng lưới an sinh và phúc lợi xã hội cao. Luận giải về mối liên hệ giữa thành công trong kinh tế và nền chính trị của Thụy Điển, Giáo sư Ari Kokko - Giám đốc nghiên cứu Trường Nghiên cứu Châu Á cho rằng "vai trò của những quy định Nhà nước, chính sách của Nhà nước, chế độ đại nghị và phúc lợi xã hội tất cả có mối liên quan tương tác lẫn nhau trong việc xây dựng môi trường phát triển ổn định, lâu dài. Hơn thế nữa, phúc lợi xã hội đã tạo ra sự phát triển và ổn định cho chính hệ thống" (13).

Cùng với Thụy Điển, mô hình nhà nước phúc lợi xã hội đã được thực hiện thành công ở một số nước Bắc Âu như Đan Mạch, Na Uy... Xuất phát điểm là những quốc gia còn có những điểm hạn chế so với mặt bằng chung của châu Âu, nhưng với chính sách phân bổ của cải công bằng giữa các tầng lớp xã hội đã giúp thu hẹp khoảng cách trong giáo dục, y tế, dịch vụ, tạo cơ hội phát triển giữa người giàu và người nghèo, các nước Bắc Âu đã thành công trong việc xây dựng được mô hình xã hội có độ tin cậy cao giữa con người và giữa người dân với chính phủ (14). Các quốc gia Bắc Âu luôn ở nhóm đầu trên bảng xếp hạng ở tất cả các lĩnh vực, từ kinh tế, y tế đến chỉ tiêu về hạnh phúc (đánh giá về mức độ thịnh vượng) của thế giới.

Mô hình phát triển xã hội ở Bắc Âu mà đại diện là Thụy Điển, có đặc điểm nổi bật là mức độ can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế và quá trình phân phối của cải xã hội. Thành công của Thụy Điển chính là ở chỗ tôn trọng các quy luật của thị trường, tôn trọng tự do của các cá nhân và một nhà nước hữu hiệu vì lợi ích của người dân. Từ kinh nghiệm của Thụy Điển, có thể thấy, việc xây dựng hệ thống an sinh xã hội là cần thiết, và phải có được sự đồng thuận của xã hội. Nghĩa là, tất cả mọi người có thu nhập đều phải đóng góp vào quỹ an sinh xã hội, chỉ những người gặp khó khăn mới được hỗ trợ. Đồng thời, các cơ quan công quyền phải tạo dựng niềm tin và duy trì tính minh bạch của hệ thống an sinh xã hội và chống tham nhũng. Tạo dựng lòng tin là điều kiện cần để mọi người tự giác đóng góp xây dựng hệ thống an sinh xã hội.

Tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội gắn bó chặt chẽ với nhau. Trong những năm gần đây, trước những chuyển biến của tình hình thế giới, các nước Bắc Âu thực hiện những biện pháp cải cách mạnh mẽ về dịch vụ công cộng, về chính phủ điện tử nhằm ứng phó hiệu quả với làn sóng cách mạng công nghệ 4.0 và kỷ nguyên số.

2.4. Mô hình chủ nghĩa tư bản Nhật Bản - Đông Á

Mô hình Nhật Bản - Đông Á là mô hình chủ nghĩa tư bản được nhà nước bảo hộ với hệ thống những chính sách, chủ trương kinh tế được nhà nước đầu tư, hỗ trợ để phát triển trong một số lĩnh vực, nhất là trong ngành công nghiệp để kích thích tăng trưởng kinh tế. Mô hình này còn được gọi là mô hình "kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa theo định hướng hành chính". Về quá trình thành lập, mô hình chủ nghĩa tư bản Nhật Bản có gốc rễ từ thời Minh Trị (1868) và là một loại hình chủ nghĩa tư bản không phải do doanh nghiệp, mà là do Nhà nước thành lập.

Đặc điểm nổi bật của mô hình này là sự kết hợp hoàn hảo giữa nền kinh tế thị trường tự do với vai trò và sự ủng hộ mạnh mẽ của Nhà nước. Xuất phát từ việc nhận thức rõ những hạn chế của mô hình thị trường tự do phương Tây, Chính phủ Nhật Bản đã áp dụng triệt để các biện pháp can thiệp để giảm thiểu tác động tiêu cực của thị trường tự do. Trong mô hình này, điểm nổi bật là sự kiểm soát tài chính và sự hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước cho các doanh nghiệp tư nhân trong một số ngành kinh tế trọng điểm, lấy xuất khẩu làm động lực tăng trưởng kinh tế kết hợp với tỉ lệ tiết kiệm cao của người dân.

Trong mô hình chủ nghĩa tư bản Nhật Bản - Đông Á, chức năng chủ yếu của Nhà nước là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế dài hạn. Nhà nước phải chủ động thực hiện chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên cơ sở những thành tựu của công nghiệp hóa và tái công nghiệp hóa dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, nhằm thích ứng với sự biến động nhanh chóng của thị trường, luôn tạo ra được lợi thế so sánh mới nhằm nâng cao sức cạnh tranh, không thụ động chấp nhận sự phân công lao động quốc tế dựa trên những lợi thế so sánh có sẵn. Trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường, Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn, điều tiết phương hướng hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nhằm thực hiện chức năng phát triển của nhà nước. Trong mô hình này, khu vực doanh nghiệp nhà nước luôn chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế.

Về ưu điểm, mô hình này mang đậm truyền thống phương Đông, đồng thời kế thừa kinh nghiệm phát triển kinh tế hiện đại của phương Tây. Đối lập với mô hình Anh - Mỹ, trong mô hình chủ nghĩa tư bản Nhật Bản, Nhà nước có vai trò chi phối rất mạnh đối với nền kinh tế. Trong cơ chế quản lý, bên cạnh quyền khống chế của giám đốc cấp cao, trong nội bộ các doanh nghiệp còn hình thành "khối cùng chung vận mệnh" độc đáo, thực hiện chế độ thuê mướn nhân công trọn đời, chế độ thứ bậc thâm niên và chế độ công đoàn doanh nghiệp. Chính điều đó đã làm cho các nhà quản lý cũng như người lao động đều coi sự phát triển của công ty, của doanh nghiệp là sự nghiệp chung và cùng nhau hợp tác vì sự nghiệp đó.

Tuy nhiên, mô hình phát triển dựa vào Nhà nước của Nhật Bản và một số nước Đông Á đã phải đối mặt với nhiều thách

thức, khi động lực tăng trưởng chính thúc đẩy sự tăng trưởng của mô hình này không còn như trước nữa. Đối với Nhật Bản, nền kinh tế rơi vào tình trạng trì trệ kéo dài trong những năm 1990, khiến cho thập niên này được gọi là "thập niên mất mát" của chủ nghĩa tư bản Nhật Bản. Việc dựa quá nhiều vào các biện pháp mang tính quản lý, sự can thiệp quá sâu của nhà nước vào các hoạt động kinh doanh đã làm hạn chế chức năng của thị trường, cản trở sự phát triển của các khu vực dịch vụ và giới hạn việc tiến hành những đổi mới cơ bản ở Nhật Bản cũng như một số nước Đông Á khác. Từ những xã hội chú trọng sản xuất, hạn chế tiêu dùng, Nhật Bản và các nước Đông Á cần xây dựng một thị trường riêng thay vì phụ thuộc vào thị trường của các nước phát triển, đồng thời phải chuyển sang một xã hội tiêu dùng, trong đó lấy tiêu dùng nội địa làm động lực quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng. Đồng thời, tầm nhìn về một mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên sức sáng tạo và năng động của hệ thống doanh nghiệp trong khu vực kinh tế tư nhân, việc mở rộng sức tiêu thụ của thị trường nội địa... là hết sức cần thiết để giảm thiểu những hạn chế của mô hình Đông Á.

3. Kết luận

Từ việc phân tích các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản trong lịch sử và hiện tại, có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

Thứ nhất, các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản có điểm chung là được xây dựng trên cơ sở thể chế kinh tế thị trường và vận hành dựa trên các nguyên tắc cốt lõi của chủ nghĩa tư bản là: sở hữu tư nhân, lợi ích cá nhân, cạnh tranh thị trường và tự do dân chủ theo kiểu phương Tây. Những nguyên tắc đó được thể hiện trong các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt rõ nét trong mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường tự do Anh - Mỹ. Bên cạnh đó, như đã phân tích ở trên, trong số các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản, mô hình chủ nghĩa tư bản Nhật Bản có những nét tương đồng với mô hình kinh tế thị trường xã hội Đức với những nỗ lực gìn giữ mối liên kết giữa phát triển kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội. Trong thời kỳ hưng thịnh vào thập niên 1960, cả hai mô hình này đều tạo ra việc làm cho đại đa số người lao động và tạo dựng được xã hội trung lưu tương đối bình đẳng. Tuy nhiên, Chính phủ Nhật Bản không thực hiện kế hoạch phúc lợi xã hội rộng rãi như các nước châu Âu mà thực hiện các biện pháp, đặc biệt là biện pháp hành chính để khuyến khích hợp tác, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, đồng thời bảo hộ và nâng đỡ các doanh nghiệp, nhằm đưa nền kinh tế đạt tới mục tiêu chiến lược nhất định.

Thực tế cho thấy, các mô hình này, ở những mức độ khác nhau, đều lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm hữu của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội. Đó cũng chính là những đặc trưng cốt yếu của phương thức sản xuất và tiêu dùng tư bản chủ nghĩa. Các cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt trong những thập niên gần đây đã chứng minh tính không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái trong quá trình phát triển các mô hình của chủ nghĩa tư bản. Các cuộc khủng hoảng đó cũng không thể được giải quyết một cách triệt để trong khuôn khổ các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Thứ hai, bên cạnh những điểm tương đồng, mỗi mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản lại có những đặc trưng riêng

về quá trình hình thành, tồn tại, phát triển thích ứng với điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội và đặc điểm lịch sử văn hóa của các nước tư bản chủ nghĩa ở những khu vực khác nhau. Thực tế lịch sử cho thấy, chủ nghĩa tư bản đã tồn tại và phát triển trên nền tảng các mô hình phát triển khác nhau, thể hiện sự chuyển tiếp, biến đổi trải qua từng thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản. Sự khác biệt giữa mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường tự do Anh - Mỹ với mô hình thị trường xã hội Đức - Tây Âu, Thụy Điển - Bắc Âu thể hiện rõ trong các vấn đề về tự do cá nhân, nghĩa vụ xã hội, vai trò của Nhà nước… trong nền kinh tế thị trường. Nếu như chủ nghĩa tư bản Anh - Mỹ nhấn mạnh tự do cá nhân, thì chủ nghĩa tư bản Đức đòi hỏi kết hợp tự do cá nhân và nghĩa vụ xã hội, khuyến khích cạnh tranh nhưng vẫn chú trọng sự hài hòa giữa lợi ích của các tập đoàn, theo đuổi lợi nhuận nhưng vẫn có trách nhiệm cung cấp bảo hiểm xã hội cho công nhân. Mô hình Đức - Tây Âu, Thụy Điển - Bắc Âu coi các mục tiêu xã hội và phát triển con người (công bằng xã hội, phúc lợi cho người nghèo và cho người lao động, quyền tự do phát triển của mọi người dân …) là mục tiêu chính của quá trình phát triển kinh tế thị trường và nhà nước cần dẫn dắt nền kinh tế để nhằm mục đích đạt được các mục tiêu này.

Đối lập với việc đề cao chủ nghĩa cá nhân của mô hình Anh - Mỹ, mô hình chủ nghĩa tư bản Nhật Bản gắn với truyền thống dân tộc và văn hóa Nhật Bản, đề cao ý thức kinh doanh cộng đồng và tinh thần tự tôn dân tộc trên thương trường quốc tế. Ngay từ thời phong kiến, ở Nhật Bản đã hình hành văn hóa kinh doanh hướng tới tập thể và các nhóm người. Truyền thống này được kế tục trong thời kì cận hiện đại, khi hầu hết các công ty của Nhật Bản đều được thành lập từ những cộng đồng có cùng ý chí và tiến vào cuộc cạnh tranh trên thương trường với tư cách một cộng đồng. Điều đó đã tạo ra động lực thúc đẩy Nhật Bản trỗi dậy hết sức nhanh chóng sau thất bại nặng nề trong Chiến tranh thế giới thứ hai để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới. Không chỉ ở Nhật Bản, mô hình này được áp dụng rất thành công ở những nước và vùng lãnh thổ khác ở Đông Á như Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Hồng Kông ... góp phần tạo nên kỳ tích của "những con rồng châu Á".

Thứ ba, bên cạnh những ưu điểm, thực tế cũng cho thấy những điểm hạn chế, bất cập của các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản trong lịch sử và hiện tại. Trong đó phải kể đến tình trạng bất bình đẳng ngày càng gia tăng, nợ nước ngoài ngày càng lớn, đặc biệt ở mô hình chủ nghĩa tư bản thị trường tự do phi điều tiết. Đó chính là nguyên nhân dẫn tới khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn trong xã hội. Mô hình thị trường xã hội Đức - Tây Âu, Thụy Điển - Bắc Âu cũng phải đối phó với những thách thức trong việc tạo nguồn lực tài chính cho nhà nước phúc lợi xã hội cũng như năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, khả năng thích ứng với sự thay đổi của của kinh tế thế giới... Đối với mô hình Nhật Bản, các biện pháp can thiệp quá sâu của nhà nước vào các hoạt động kinh doanh đã làm hạn chế chức năng của thị trường, cản trở sự phát triển của các khu vực dịch vụ và giới hạn việc tiến hành những đổi mới cơ bản. Trước những thách thức đó, tháng 10 năm 2021, chính quyền của Thủ tướng Fumio Kishida đã đưa ra tầm nhìn về *hình thái mới của chủ nghĩa tư bản Nhật*, để hướng tới xây dựng một "chủ

nghĩa tư bản bền vững" với bốn trụ cột chính là: đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo; đầu tư vào khởi nghiệp; các sáng kiến xanh và kỹ thuật số (15). Nhìn chung, những bất cập của mỗi mô hình là minh chứng về những hạn chế khó có thể khắc phục trong khả năng tự cân bằng cũng như sự ổn định của các mô hình phát triển của chủ nghĩa tư bản. Những trải nghiệm trong lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản cho thấy, việc tìm kiếm một mô hình phát triển tối ưu trong thời kỳ phát triển mới của xã hội thông tin và toàn cầu hóa vẫn là vấn đề nan giải đặt ra cho chủ nghĩa tư bản nói chung.

CHÚ THÍCH

(1). Adam Smith, *Wealth of Nation*, 1776, https://www.marxists.org/reference/archive/smith-adam/works/wealth-of-nations/index.htm

(2). Paul Samuelson, *Kinh tế học*, Tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1997, tr.35.

(3). Liberal History, *Beveridge William (1879-1963)*, William Beveridge (Lord Beveridge), 1879-1963 - Liberal History.

(4). Các Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 4, Nxb.Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tr.601.

(5). Thomas Piketty, *Tư bản thế kỷ 21*. Nxb.Trẻ, 2021, tr.11.

(6). Adam Smith. Wealth of Nation, 1776, https://www.marxists.org/reference/archive/smith-adam/works/wealth-of-nations/index.htm

(7). Seitz Konrad. *Race in to 21st Century - The Future of Europe between American and Asia*. Berlin, 1998, p. 391.

(8). Oxfam International, *Inequality kills*, January 17, 2022, https://www.oxfam.org/en/research/inequality-kills

(9). Encyclopedia Britanica, *Ludwig Erhard (1897-1977),* https://www.britannica.com/biography/Ludwig-Erhard.

(10). Encyclopedia Britanica, *Per Albin Hansson (1885-1946)*, https://www.britannica.com/biography/Per-Albin-Hansson

(11). Alain Geledan (Chủ biên), *Lịch sử tư tưởng kinh tế*, Tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 320.

(12). Olli Kangas & Joakin Palme. *Social Policy and Economic Development in the Nordic Countries*. Palgrave Macmillan NY, 2005, p.12.

(13). Viện Chính sách và chiến lược Phát triển Nông nghiệp, Nông thôn, *Hội thảo "Kinh nghiệm phát triển của Thụy Điển"*, 2005, https://ipsard.gov.vn/vn/tID552_mo-hinh-phat-trien-cua-thuy-dien.html

(14). Trường Đại học Fulbright Việt Nam. *Thay đổi trong mô hình xã hội Bắc Âu,* 2019, https://fulbright.edu.vn/vi/thay-doi-trongmo-hinh-xa-hoi-bac-au/

(15). PM's Office of Japan. Speech by PM Kishida Fumio at Davos Agenda January 18, 2022, https://japan.kantei.go.jp/101_kishida/statement/202201/_00008.html